

BÁO CÁO SĨ SỐ SINH VIÊN TOÀN TRƯỜNG

(Tính đến 01/8/2024)

STT	Hệ đào tạo	Ngành	Tên lớp/Khóa	Hiện tại	Ghi chú
Khoa Động lực				2.706	
2016				2	
1	Trung cấp nghề - (Niên chế)	Công nghệ Ô tô	16TCN-Ô1	1	Đơn xin gia hạn thời gian đào tạo do hoàn thành nghĩa vụ quân sự ngày 13/11/2023
2	Cao đẳng - Chuyên nghiệp	Công nghệ Kỹ thuật Ô tô	16CĐ-Ô1	1	Đơn xin gia hạn thời gian đào tạo (ngày 08/02/2023) do hoàn thành NVQS, kéo dài đến hết T12/2024
2017				1	
1	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ ô tô	17T4-CNÔ2	1	Ban Giám hiệu duyệt cho học trả nợ môn do hoàn thành nghĩa vụ quân sự theo đơn PH ngày 27/9/2023
2018				128	
1	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ ô tô	18C1	128	Nợ môn
2019				157	
1	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ ô tô	19T4	90	Nợ môn
2	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ ô tô	19C1	66	Nợ môn
3	Cao đẳng - CLC	Công nghệ ô tô	19C3-CNÔ3	1	Nợ môn
2020				227	
1	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ ô tô	20T4	81	Nợ môn
2	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ ô tô	20C1	108	Nợ môn
3	Cao đẳng - CLC	Công nghệ ô tô	20C3	16	Nợ môn
4	Cao đẳng - CLC song hành Vinfast	Công nghệ ô tô	20C5-CNÔ1	1	Nợ môn
5	Cao đẳng - CLC TTTN Nhật	Công nghệ ô tô	20C6	21	Nợ môn
2021				289	
1	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ ô tô	21T4-CNÔ1	37	
2	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ ô tô	21T4-CNÔ2	42	
3	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ ô tô	21T4-CNÔ3	41	
4	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ ô tô	21C1	120	Nợ môn
5	Cao đẳng - LT	Công nghệ ô tô	21C2-CNÔ1	5	Nợ môn
6	Cao đẳng - CLC	Công nghệ ô tô	21C3	22	Nợ môn
7	Cao đẳng - CLC song hành Vinfast	Công nghệ ô tô	21C5-CNÔ1	6	Nợ môn
8	Cao đẳng - CLC TTTN Nhật	Công nghệ ô tô	21C6	16	Nợ môn
2022				697	
1	Trung cấp - IN3	Công nghệ ô tô	22T2-CNÔ1	7	Nợ môn
2	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ ô tô	22T4-CNÔ1	42	
3	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ ô tô	22T4-CNÔ2	27	
4	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ ô tô	22T4-CNÔ3	40	
5	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ ô tô	22T4-CNÔ4	31	
6	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ ô tô	22T4-CNÔ5	36	
7	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ ô tô	22T4-CNÔ6	33	
8	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ ô tô	22C1-CNÔ1	47	
9	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ ô tô	22C1-CNÔ2	44	
10	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ ô tô	22C1-CNÔ3	42	
11	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ ô tô	22C1-CNÔ4	38	
12	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ ô tô	22C1-CNÔ5	34	
13	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ ô tô	22C1-CNÔ6	37	

STT	Hệ đào tạo	Ngành	Tên lớp/Khóa	Hiện tại	Ghi chú
14	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ ô tô	22C1-CNÔ7	34	
15	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ ô tô	22C1-CNÔ8	34	
16	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ ô tô	22C1-CNÔ9	45	
17	Cao đẳng - LT	Công nghệ ô tô	22C2B	25	Nợ môn
19	Cao đẳng - LT	Công nghệ ô tô	22C2-CNÔ1	6	Nợ môn
20	Cao đẳng - CLC	Công nghệ ô tô	22C3-CNÔ1	26	
21	Cao đẳng - CLC	Công nghệ ô tô	22C3-CNÔ2	25	
22	Cao đẳng - CLC	Công nghệ ô tô	22C3-CNÔ3	29	
23	Cao đẳng - CLC TTTN Nhật	Công nghệ ô tô	22C6-CNÔ1	15	
2023				825	
1	Trung cấp - 1N3	Công nghệ ô tô	23T2-CNÔ1	18	
2	Trung cấp - 3N (GDTX)	Công nghệ ô tô	23T3-CNÔ1CK	43	TTGDTX Cầu Kè - TV
3	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ ô tô	23T4-CNÔ1	47	
4	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ ô tô	23T4-CNÔ2	43	
5	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ ô tô	23T4-CNÔ3	41	
6	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ ô tô	23T4-CNÔ4	37	
7	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ ô tô	23T4-CNÔ5	41	
8	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ ô tô	23T4-CNÔ6	36	
9	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ ô tô	23C1-CNÔ1	46	
10	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ ô tô	23C1-CNÔ2	48	
11	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ ô tô	23C1-CNÔ3	50	
12	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ ô tô	23C1-CNÔ4	47	
13	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ ô tô	23C1-CNÔ5	42	
14	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ ô tô	23C1-CNÔ6	46	
15	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ ô tô	23C1-CNÔ7	44	
16	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ ô tô	23C1-CNÔ8	34	
17	Cao đẳng - LT	Công nghệ ô tô	23C2-CNÔ1	41	
18	Cao đẳng - LT	Công nghệ ô tô	23C2-CNÔ2	29	
19	Cao đẳng - LT	Công nghệ ô tô	23C2-CNÔ3	31	
20	Cao đẳng - CLC	Công nghệ ô tô	23C3-CNÔ1	30	
21	Cao đẳng - CLC	Công nghệ ô tô	23C3-CNÔ2	31	
2024				380	
1	Trung cấp - 1N3	Công nghệ ô tô	24T2-CNÔ1	4	SV khóa mới
2	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ ô tô	24T4-CNÔ1	58	SV khóa mới
3	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ ô tô	24T4-CNÔ2	58	SV khóa mới
4	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ ô tô	24T4-CNÔ3	58	SV khóa mới
5	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ ô tô	24T4-CNÔ4	26	SV khóa mới
6	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ ô tô	24C1-CNÔ1	58	SV khóa mới
7	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ ô tô	24C1-CNÔ2	58	SV khóa mới
8	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ ô tô	24C1-CNÔ3	55	SV khóa mới
9	Cao đẳng - LT	Công nghệ ô tô	24C2-CNÔ1	5	SV khóa mới
Khoa Điện - Điện tử				1.608	
2016				1	
1	Cao đẳng - Chuyên nghiệp	Điện tử công nghiệp	16CD-ĐTCN1	1	Đơn xin cứu xét gia hạn thời gian đào tạo để trả nợ môn do hoàn thành NVQS (hết T12/2024)
2018				67	
1	Trung cấp - 3N (Buổi tối)	Điện công nghiệp	18T7-ĐCN1	4	Nợ môn
2	Cao đẳng - 2,5N		18C1	63	Nợ môn
2019				77	
1	Trung cấp - 1N3	Điện công nghiệp	19T2-ĐCN1	1	Đơn xin gia hạn thời gian đào tạo do đi NVQS (đến hết T2/2026)
2	Trung cấp - 3N (GDNN)		19T4	36	Nợ môn
3	Cao đẳng - 2,5N		19C1	40	Nợ môn

STT	Hệ đào tạo	Ngành	Tên lớp/Khóa	Hiện tại	Ghi chú
2020				193	
1	Trung cấp - 1N3	Điện công nghiệp	20T2-ĐCN1	5	Nợ môn
2	Trung cấp - 3N (GDNN)		20T4	83	Nợ môn
3	Cao đẳng - 2,5N		20C1	90	Nợ môn
4	Cao đẳng - LT	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	20C2-ĐĐT1	1	Bảo lưu, xin học lại do đi DQTV (gia hạn đến hết T9/2025)
5	Cao đẳng - CLC	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	20C3-ĐĐT1	2	Nợ môn
6	Cao đẳng - CLC song hành Vinfast	Cơ điện tử	20C5-CĐT1	3	Nợ môn
7	Cao đẳng - CLC TTTN Nhật	Cơ điện tử	20C6-CĐT1	9	Nợ môn
2021				227	
1	Trung cấp - 1N3	Điện công nghiệp	21T2-ĐCN1	7	Nợ môn
2	Trung cấp - 3N (GDNN)	Cơ điện tử	21T4-CĐT1	35	
3	Trung cấp - 3N (GDNN)	Điện công nghiệp	21T4-ĐCN1	32	
4	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	21T4-ĐĐT1	43	
5	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ kỹ thuật điều khiển tự động	21T4-TĐH1	15	
6	Cao đẳng - 2,5N		21C1	80	Nợ môn
7	Cao đẳng - CLC	Cơ điện tử	21C3-CĐT1	5	Nợ môn
8	Cao đẳng - CLC song hành Vinfast	Cơ điện tử	21C5-CĐT1	6	Nợ môn
9	Cao đẳng - LKQT	Điện công nghiệp	21C7-ĐCN1	4	Nợ môn
2022				364	
1	Trung cấp - 3N (GDNN)	Cơ điện tử	22T4-CĐT1	34	
2	Trung cấp - 3N (GDNN)	Điện công nghiệp	22T4-ĐCN1	47	
3	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	22T4-ĐĐT1	36	
4	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ kỹ thuật điều khiển tự động	22T4-TĐH1	20	
5	Cao đẳng - 2,5N	Cơ điện tử	22C1-CĐT1	35	
6	Cao đẳng - 2,5N	Điện công nghiệp	22C1-ĐCN1	37	
7	Cao đẳng - 2,5N	Điện công nghiệp	22C1-ĐCN2	24	
8	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	22C1-ĐĐT1	40	
9	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	22C1-TĐH1	33	
10	Cao đẳng - LT		22C2B	43	Nợ môn
11	Cao đẳng - LT	Cơ điện tử	22C2	15	Nợ môn
2023				508	
1	Trung cấp - 3N (GDTX)	Điện công nghiệp	23T3-ĐCN1BP	26	TT GDTX Bình Phước
2	Trung cấp - 3N (GDTX)	Điện công nghiệp	23T3-ĐCN1DH	57	TTGDTX Duyên Hải - TV
3	Trung cấp - 3N (GDNN)	Cơ điện tử	23T4-CĐT1	25	
4	Trung cấp - 3N (GDNN)	Điện công nghiệp	23T4-ĐCN1	47	
5	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	23T4-ĐĐT1	38	
6	Trung cấp - 1N (Buổi tối)	Điện công nghiệp	23T5-ĐCN1	50	
7	Cao đẳng - 2,5N	Cơ điện tử	23C1-CĐT1	17	
8	Cao đẳng - 2,5N	Điện công nghiệp	23C1-ĐCN1	46	
9	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	23C1-ĐĐT1	43	
10	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	23C1-TĐH1	26	
11	Cao đẳng - LT	Cơ điện tử	23C2-CĐT1	42	
12	Cao đẳng - LT	Điện công nghiệp	23C2-ĐCN1	33	

STT	Hệ đào tạo	Ngành	Tên lớp/Khóa	Hiện tại	Ghi chú
13	Cao đẳng - LT	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	23C2-ĐĐT1	24	
14	Cao đẳng - LT	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	23C2-TĐH1	26	
15	Cao đẳng - CLC song hành Doanh nghiệp	Điện công nghiệp	23C8-ĐCN1	8	
2024				171	
1	Trung cấp - 3N (GDNN)	Cơ điện tử	24T4-CĐT1	18	SV khóa mới
2	Trung cấp - 3N (GDNN)	Điện công nghiệp	24T4-ĐCN1	44	SV khóa mới
3	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	24T4-ĐĐT1	38	SV khóa mới
4	Trung cấp - 3N (GDNN)	Điện tử công nghiệp	24T4-ĐTC1	8	SV khóa mới
5	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ kỹ thuật điện tử, truyền thông	24T4-ĐTT1	2	SV khóa mới
6	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ kỹ thuật điều khiển tự động	24T4-TĐH1	13	SV khóa mới
7	Cao đẳng - 2,5N	Cơ điện tử	24C1-CĐT1	2	SV khóa mới
8	Cao đẳng - 2,5N	Điện công nghiệp	24C1-ĐCN1	16	SV khóa mới
9	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	24C1-ĐĐT1	16	SV khóa mới
10	Cao đẳng - 2,5N	Điện tử công nghiệp	24C1-ĐTC1	1	SV khóa mới
11	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ kỹ thuật điện tử, truyền thông	24C1-ĐTT1	1	SV khóa mới
12	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	24C1-TĐH1	6	SV khóa mới
13	Cao đẳng - LT	Điện công nghiệp	24C2-ĐCN1	1	SV khóa mới
14	Cao đẳng - CLC song hành Doanh nghiệp	Điện công nghiệp	24C8-ĐCN1	5	SV khóa mới
Khoa Cơ khí				1.258	
2018				66	
1	Cao đẳng - 2,5N		18C1	66	Nợ môn
2019				104	
1	Trung cấp - 3N (GDNN)		19T4	50	Nợ môn
2	Cao đẳng - 2,5N		19C1	51	Nợ môn
3	Cao đẳng - CLC	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	19C3-CCK1	3	Nợ môn
2020				167	
1	Trung cấp - 3N (GDNN)		20T4	66	Nợ môn
2	Cao đẳng - 2,5N		20C1	91	Nợ môn
3	Cao đẳng - CLC		20C3	10	Nợ môn
2021				153	
1	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	21T4-CCK1	32	
2	Trung cấp - 3N (GDNN)	Cơ khí chế tạo	21T4-CKC1	23	
3	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ chế tạo máy	21T4-CTM1	14	
4	Cao đẳng - 2,5N		21C1	73	Nợ môn
5	Cao đẳng - CLC	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	21C3-CCK1	3	Nợ môn
6	Cao đẳng - LKQT	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	21C7-CCK1	8	Nợ môn
2022				303	
1	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	22T4-CCK1	49	
2	Trung cấp - 3N (GDNN)	Cơ khí chế tạo	22T4-CKC1	18	
3	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ chế tạo máy	22T4-CTM1	19	
4	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	22C1-CCK1	31	
5	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	22C1-CCK2	38	
6	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	22C1-CCK3	37	
7	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	22C1-CCK4	31	
8	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ chế tạo máy	22C1-CTM1	32	
9	Cao đẳng - LT		22C2B	20	Nợ môn

STT	Hệ đào tạo	Ngành	Tên lớp/Khóa	Hiện tại	Ghi chú
10	Cao đẳng - LT	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	22C2-CCK1	2	Nợ môn
11	Cao đẳng - CLC	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	22C3-CCK1	13	
12	Cao đẳng - LKQT	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	22C7-CCK1	13	
2023				304	
1	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	23T4-CCK1	41	
2	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	23T4-CCK2	26	
3	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ chế tạo máy	23T4-CTM1	32	
4	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	23C1-CCK1	48	
5	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	23C1-CCK2	41	
6	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	23C1-CCK3	22	
7	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ chế tạo máy	23C1-CTM1	15	
8	Cao đẳng - LT	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	23C2-CCK1	30	
9	Cao đẳng - LT	Cắt gọt kim loại	23C2-CKL1	16	
10	Cao đẳng - LT	Công nghệ chế tạo máy	23C2-CTM1	33	
2024				161	
1	Trung cấp - 3N (GDNN)	Bảo trì hệ thống thiết bị công nghiệp	24T4-BCN1	1	SV khóa mới
2	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	24T4-CCK1	57	SV khóa mới
3	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	24T4-CCK2	28	SV khóa mới
4	Trung cấp - 3N (GDNN)	Cơ khí chế tạo	24T4-CKC1	10	SV khóa mới
5	Trung cấp - 3N (GDNN)	Cắt gọt kim loại	24T4-CKL1	7	SV khóa mới
6	Trung cấp - 3N (GDNN)	Chế tạo khuôn mẫu	24T4-CTK1	1	SV khóa mới
7	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ chế tạo máy	24T4-CTM1	5	SV khóa mới
8	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	24C1-CCK1	37	SV khóa mới
9	Cao đẳng - 2,5N	Cắt gọt kim loại	24C1-CKL1	2	SV khóa mới
10	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ chế tạo máy	24C1-CTM1	8	SV khóa mới
11	Cao đẳng - LT	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	24C2-CCK1	2	SV khóa mới
12	Cao đẳng - LT	Cắt gọt kim loại	24C2-CKL1	2	SV khóa mới
13	Cao đẳng - LT	Công nghệ chế tạo máy	24C2-CTM1	1	SV khóa mới
Khoa May - Thời trang				151	
2018				1	
1	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ may	18C1-CNM1	1	Nợ môn
2019				12	
1	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ may và thời trang	19T4-CNM1	11	Nợ môn
2	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ may	19C1-CNM1	1	Nợ môn
2020				23	
1	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ may và thời trang	20T4-CNM1	20	Nợ môn
2	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ may	20C1-CNM1	3	Nợ môn
2021				20	
1	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ may	21T4-CNM1	20	
2022				39	
1	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ may	22T4-CNM1	19	
2	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ may	22C1-CNM1	18	
3	Cao đẳng - LT	Công nghệ may	22C2B-CNM1	2	Nợ môn
2023				28	
1	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ may	23T4-CNM1	13	
2	Cao đẳng - 2,5N	May thời trang	23C1-MTT1	6	
3	Cao đẳng - LT	Công nghệ may	23C2-CNM1	9	
2024				28	
1	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ may	24T4-CNM1	9	SV khóa mới
2	Trung cấp - 3N (GDNN)	May thời trang	24T4-MTT1	14	SV khóa mới
3	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ may	24C1-CNM1	3	SV khóa mới
4	Cao đẳng - 2,5N	May thời trang	24C1-MTT1	1	SV khóa mới
5	Cao đẳng - LT	Công nghệ may	24C2-CNM1	1	SV khóa mới

STT	Hệ đào tạo	Ngành	Tên lớp/Khóa	Hiện tại	Ghi chú
Khoa Xây dựng - Nhiệt lạnh				1.046	
2018				52	
1	Cao đẳng - 2,5N		18C1	52	Nợ môn
2019				100	
1	Trung cấp - 3N (GDNN)		19T4	60	Nợ môn
2	Cao đẳng - 2,5N		19C1	40	Nợ môn
2020				125	
1	Trung cấp - 3N (GDNN)		20T4	66	Nợ môn
2	Cao đẳng - 2,5N		20C1	59	Nợ môn
2021				130	
1	Trung cấp - 3N (GDNN)	Kỹ thuật Xây dựng	21T4-KXD1	13	
2	Trung cấp - 3N (GDNN)	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	21T4-KML1	36	
3	Trung cấp - 3N (GDNN)	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh	21T4-VSL1	38	
4	Cao đẳng - 2,5N		21C1	43	Nợ môn
2022				224	
1	Trung cấp - 3N (GDNN)	Kỹ thuật Xây dựng	22T4-KXD1	11	
2	Trung cấp - 3N (GDNN)	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	22T4-KML1	27	
3	Trung cấp - 3N (GDNN)	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh	22T4-VSL1	47	
4	Cao đẳng - 2,5N	Kỹ thuật Xây dựng	22C1-KXD1	23	
5	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ kỹ thuật nhiệt	22C1-CNL1	13	
6	Cao đẳng - 2,5N	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	22C1-KML1	36	
7	Cao đẳng - 2,5N	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh	22C1-VSL1	41	
8	Cao đẳng - LT		22C2B	25	Nợ môn
9	Cao đẳng - LT	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	22C2-KML1	1	Nợ môn
2023				265	
1	Trung cấp - 3N (GDNN)	Kỹ thuật Xây dựng	23T4-KXD1	13	
2	Trung cấp - 3N (GDNN)	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	23T4-KML1	27	
3	Trung cấp - 3N (GDNN)	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh	23T4-VSL1	45	
4	Cao đẳng - 2,5N	Kỹ thuật Xây dựng	23C1-KXD1	15	
5	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ kỹ thuật nhiệt	23C1-CNL1	15	
6	Cao đẳng - 2,5N	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	23C1-KML1	31	
7	Cao đẳng - 2,5N	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh	23C1-VSL1	20	
8	Cao đẳng - LT	Kỹ thuật Xây dựng	23C2-KXD1	30	
9	Cao đẳng - LT	Công nghệ kỹ thuật nhiệt	23C2-CNL1	12	
10	Cao đẳng - LT	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	23C2-KML1	19	
11	Cao đẳng - LT	Lắp đặt thiết bị lạnh	23C2-LĐL1	9	
12	Cao đẳng - LT	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh	23C2-VSL1	29	
2024				150	
1	Trung cấp - 3N (GDNN)	Kỹ thuật Xây dựng	24T4-KXD1	8	SV khóa mới
2	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ kỹ thuật nhiệt	24T4-CNL1	2	SV khóa mới
3	Trung cấp - 3N (GDNN)	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	24T4-KML1	34	SV khóa mới
4	Trung cấp - 3N (GDNN)	Lắp đặt thiết bị lạnh	24T4-LĐL1	17	SV khóa mới
5	Trung cấp - 3N (GDNN)	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh	24T4-VSL1	52	SV khóa mới
6	Cao đẳng - 2,5N	Kỹ thuật Xây dựng	24C1-KXD1	2	SV khóa mới
7	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ kỹ thuật nhiệt	24C1-CNL1	5	SV khóa mới
8	Cao đẳng - 2,5N	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	24C1-KML1	16	SV khóa mới
9	Cao đẳng - 2,5N	Lắp đặt thiết bị lạnh	24C1-LĐL1	1	SV khóa mới

STT	Hệ đào tạo	Ngành	Tên lớp/Khóa	Hiện tại	Ghi chú
10	Cao đẳng - 2,5N	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh	24C1-VSL1	8	SV khóa mới
11	Cao đẳng - LT	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	24C2-KML1	4	SV khóa mới
12	Cao đẳng - LT	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh	24C2-VSL1	1	SV khóa mới
Khoa Công nghệ Thông tin				2.944	
2018				36	
1	Cao đẳng - 2,5N		18C1	36	Nợ môn
2019				187	
1	Trung cấp - 1N3	Quản trị mạng máy tính	19T2-QTM1	1	Bảo lưu, xin học lại do đi NVQS (gia hạn đến hết T2/2026)
2	Trung cấp - 3N (GDNN)		19T4	154	Nợ môn
3	Cao đẳng - 2,5N		19C1	31	Nợ môn
4	Cao đẳng - LT	Quản trị mạng máy tính	19C2-QTM1	1	Có đơn xin gia hạn thời gian đào tạo do đi NVQS (đến hết T7/2025)
2020				232	
1	Trung cấp - 3N (GDNN)		20T4	191	Nợ môn
2	Trung cấp - 1N (Buổi tối)	Tin học ứng dụng	20T5-THU1	1	Nợ môn
3	Cao đẳng - 2,5N		20C1	40	Nợ môn
2021				448	
1	Trung cấp - 3N (GDNN)	An ninh mạng	21T4-ANM1	24	
2	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ kỹ thuật phần cứng máy tính	21T4-CMT1	36	
3	Trung cấp - 3N (GDNN)	Đồ họa đa phương tiện	21T4-ĐHĐ1	34	
4	Trung cấp - 3N (GDNN)	Lập trình máy tính	21T4-LTM1	55	
5	Trung cấp - 3N (GDNN)	Lập trình máy tính	21T4-LTM2	40	
6	Trung cấp - 3N (GDNN)	Quản trị mạng máy tính	21T4-QTM1	41	
7	Trung cấp - 3N (GDNN)	Tin học ứng dụng	21T4-THU1	29	
8	Trung cấp - 3N (GDNN)	Thiết kế đồ họa	21T4-TKĐ1	51	
9	Trung cấp - 3N (GDNN)	Thiết kế đồ họa	21T4-TKĐ2	50	
10	Trung cấp - 3N (GDNN)	Thiết kế trang Web	21T4-TKW1	20	
11	Cao đẳng - 2,5N		21C1	63	Nợ môn
12	Cao đẳng - CLC	Lập trình máy tính	21C3-LTM1	4	Nợ môn
13	Cao đẳng - LKQT	Lập trình máy tính	21C7-LTM1	1	Nợ môn
2022				732	
1	Trung cấp - 3N (GDNN)	An ninh mạng	22T4-ANM1	20	
2	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ kỹ thuật phần cứng máy tính	22T4-CMT1	54	
3	Trung cấp - 3N (GDNN)	Đồ họa đa phương tiện	22T4-ĐHĐ1	43	
4	Trung cấp - 3N (GDNN)	Đồ họa đa phương tiện	22T4-ĐHĐ2	30	
5	Trung cấp - 3N (GDNN)	Lập trình máy tính	22T4-LTM1	38	
6	Trung cấp - 3N (GDNN)	Lập trình máy tính	22T4-LTM2	38	
7	Trung cấp - 3N (GDNN)	Lập trình máy tính	22T4-LTM3	26	
8	Trung cấp - 3N (GDNN)	Quản trị mạng máy tính	22T4-QTM1	46	
9	Trung cấp - 3N (GDNN)	Tin học ứng dụng	22T4-THU1	32	
10	Trung cấp - 3N (GDNN)	Thiết kế đồ họa	22T4-TKĐ1	42	
11	Trung cấp - 3N (GDNN)	Thiết kế đồ họa	22T4-TKĐ2	33	
12	Trung cấp - 3N (GDNN)	Thiết kế đồ họa	22T4-TKĐ3	35	
13	Trung cấp - 3N (GDNN)	Thiết kế trang Web	22T4-TKW1	16	
14	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ kỹ thuật máy tính	22C1-CMT1	34	
15	Cao đẳng - 2,5N	Lập trình máy tính	22C1-LTM1	35	
16	Cao đẳng - 2,5N	Quản trị mạng máy tính	22C1-QTM1	13	
17	Cao đẳng - 2,5N	Tin học ứng dụng	22C1-THU1	14	

STT	Hệ đào tạo	Ngành	Tên lớp/Khóa	Hiện tại	Ghi chú
18	Cao đẳng - 2,5N	Thiết kế đồ họa	22C1-TKĐ1	53	
19	Cao đẳng - 2,5N	Thiết kế đồ họa	22C1-TKĐ2	30	
20	Cao đẳng - 2,5N	Thiết kế trang Web	22C1-TKW1	16	
21	Cao đẳng - LT		22C2B	67	Nợ môn
22	Cao đẳng - LT		22C2	7	Nợ môn
23	Cao đẳng - LKQT	Lập trình máy tính	22C7-LTM1	10	
2023				889	
1	Trung cấp - 3N (GDTX)	Tin học ứng dụng	23T3-THU1BP	28	TT GDTX Bình Phước
2	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ kỹ thuật phần cứng máy tính	23T4-CMT1	38	
3	Trung cấp - 3N (GDNN)	Đồ họa đa phương tiện	23T4-ĐHĐ1	49	
4	Trung cấp - 3N (GDNN)	Lập trình máy tính	23T4-LTM1	56	
5	Trung cấp - 3N (GDNN)	Lập trình máy tính	23T4-LTM2	46	
6	Trung cấp - 3N (GDNN)	Quản trị mạng máy tính	23T4-QTM1	40	
7	Trung cấp - 3N (GDNN)	Tin học ứng dụng	23T4-THU1	39	
8	Trung cấp - 3N (GDNN)	Thiết kế đồ họa	23T4-TKĐ1	50	
9	Trung cấp - 3N (GDNN)	Thiết kế đồ họa	23T4-TKĐ2	46	
10	Trung cấp - 3N (GDNN)	Thiết kế đồ họa	23T4-TKĐ3	34	
11	Trung cấp - 3N (GDNN)	Thiết kế trang Web	23T4-TKW1	23	
12	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ kỹ thuật máy tính	23C1-CMT1	24	
13	Cao đẳng - 2,5N	Đồ họa đa phương tiện	23C1-ĐHĐ1	22	
14	Cao đẳng - 2,5N	Lập trình máy tính	23C1-LTM1	54	
15	Cao đẳng - 2,5N	Quản trị mạng máy tính	23C1-QTM1	17	
16	Cao đẳng - 2,5N	Thiết kế đồ họa	23C1-TKĐ1	47	
17	Cao đẳng - LT	An ninh mạng	23C2-ANM1	16	
18	Cao đẳng - LT	Công nghệ kỹ thuật máy tính	23C2-CMT1	31	
19	Cao đẳng - LT	Đồ họa đa phương tiện	23C2-ĐHĐ1	32	
20	Cao đẳng - LT	Lập trình máy tính	23C2-LTM1	39	
21	Cao đẳng - LT	Quản trị mạng máy tính	23C2-QTM1	35	
22	Cao đẳng - LT	Tin học ứng dụng	23C2-THU1	33	
23	Cao đẳng - LT	Thiết kế đồ họa	23C2-TKĐ1	30	
24	Cao đẳng - LT	Thiết kế đồ họa	23C2-TKĐ2	38	
25	Cao đẳng - LT	Thiết kế trang Web	23C2-TKW1	22	
2024				420	
1	Trung cấp - 1N3	Thiết kế đồ họa	24T2-TKĐ1	2	SV khóa mới
2	Trung cấp - 1N3	Thiết kế trang Web	24T2-TKW1	1	SV khóa mới
3	Trung cấp - 3N (GDNN)	An ninh mạng	24T4-ANM1	15	SV khóa mới
4	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ kỹ thuật phần cứng máy tính	24T4-CMT1	27	SV khóa mới
5	Trung cấp - 3N (GDNN)	Đồ họa đa phương tiện	24T4-ĐHĐ1	45	SV khóa mới
6	Trung cấp - 3N (GDNN)	Lập trình máy tính	24T4-LTM1	58	SV khóa mới
7	Trung cấp - 3N (GDNN)	Lập trình máy tính	24T4-LTM2	24	SV khóa mới
8	Trung cấp - 3N (GDNN)	Quản trị mạng máy tính	24T4-QTM1	27	SV khóa mới
9	Trung cấp - 3N (GDNN)	Tin học ứng dụng	24T4-THU1	49	SV khóa mới
10	Trung cấp - 3N (GDNN)	Thiết kế đồ họa	24T4-TKĐ1	58	SV khóa mới
11	Trung cấp - 3N (GDNN)	Thiết kế đồ họa	24T4-TKĐ2	29	SV khóa mới
12	Trung cấp - 3N (GDNN)	Thiết kế trang Web	24T4-TKW1	20	SV khóa mới
13	Trung cấp - 3N (GDNN)	Truyền thông và mạng máy tính	24T4-TMT1	3	SV khóa mới
14	Cao đẳng - 2,5N	An ninh mạng	24C1-ANM1	3	SV khóa mới
15	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ kỹ thuật máy tính	24C1-CMT1	10	SV khóa mới
16	Cao đẳng - 2,5N	Đồ họa đa phương tiện	24C1-ĐHĐ1	13	SV khóa mới
17	Cao đẳng - 2,5N	Lập trình máy tính	24C1-LTM1	6	SV khóa mới
18	Cao đẳng - 2,5N	Quản trị mạng máy tính	24C1-QTM1	3	SV khóa mới
19	Cao đẳng - 2,5N	Tin học ứng dụng	24C1-THU1	3	SV khóa mới
20	Cao đẳng - 2,5N	Thiết kế đồ họa	24C1-TKĐ1	15	SV khóa mới

STT	Hệ đào tạo	Ngành	Tên lớp/Khóa	Hiện tại	Ghi chú
21	Cao đẳng - 2,5N	Thiết kế trang Web	24C1-TKW1	2	SV khóa mới
22	Cao đẳng - LT	Công nghệ kỹ thuật máy tính	24C2-CMT1	1	SV khóa mới
23	Cao đẳng - LT	Lập trình máy tính	24C2-LTM1	1	SV khóa mới
24	Cao đẳng - LT	Quản trị mạng máy tính	24C2-QTM1	4	SV khóa mới
25	Cao đẳng - LT	Tin học ứng dụng	24C2-THU1	1	SV khóa mới
Khoa Kinh tế				1.240	
2018				10	
1	Cao đẳng - 2,5N		18C1	10	Nợ môn
2019				72	
1	Trung cấp - 3N (GDNN)		19T4	57	Nợ môn
2	Cao đẳng - 2,5N		19C1	15	Nợ môn
2020				114	
1	Trung cấp - 3N (GDNN)		20T4	87	Nợ môn
2	Cao đẳng - 2,5N		20C1	26	Nợ môn
3	Cao đẳng - LT	Kế toán doanh nghiệp	20C2-KTD1	1	Bảo lưu, xin học lại do đi NVQS (giã hạn đến hết T9/2025)
2021				194	
1	Trung cấp - 3N (GDNN)	Kế toán doanh nghiệp	21T4-KTD1	32	
2	Trung cấp - 3N (GDNN)	Logistics	21T4-LGT1	22	
3	Trung cấp - 3N (GDNN)	Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ	21T4-QTD1	50	
4	Trung cấp - 3N (GDNN)	Tài chính doanh nghiệp	21T4-TCĐ1	25	
5	Trung cấp - 3N (GDNN)	Thương mại điện tử	21T4-TMĐ1	28	
6	Cao đẳng - 2,5N		21C1	37	Nợ môn
2022				358	
1	Trung cấp - 3N (GDNN)	Kế toán doanh nghiệp	22T4-KTD1	35	
2	Trung cấp - 3N (GDNN)	Logistics	22T4-LGT1	33	
3	Trung cấp - 3N (GDNN)	Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ	22T4-QTD1	48	
4	Trung cấp - 3N (GDNN)	Tài chính doanh nghiệp	22T4-TCĐ1	16	
5	Trung cấp - 3N (GDNN)	Thương mại điện tử	22T4-TMĐ1	22	
6	Cao đẳng - 2,5N	Kế toán doanh nghiệp	22C1-KTD1	43	
7	Cao đẳng - 2,5N	Logistics	22C1-LGT1	32	
8	Cao đẳng - 2,5N	Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ	22C1-QTD1	36	
9	Cao đẳng - 2,5N	Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ	22C1-QTD2	25	
10	Cao đẳng - 2,5N	Thương mại điện tử	22C1-TMĐ1	28	
11	Cao đẳng - LT		22C2B	38	Nợ môn
12	Cao đẳng - LT	Kế toán doanh nghiệp	22C2-KTD1	2	Nợ môn
2023				341	
1	Trung cấp - 3N (GDNN)	Kế toán doanh nghiệp	23T4-KTD1	35	
2	Trung cấp - 3N (GDNN)	Logistics	23T4-LGT1	19	
3	Trung cấp - 3N (GDNN)	Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ	23T4-QTD1	31	
4	Trung cấp - 3N (GDNN)	Thương mại điện tử	23T4-TMĐ1	26	
5	Cao đẳng - 2,5N	Kế toán doanh nghiệp	23C1-KTD1	25	
6	Cao đẳng - 2,5N	Logistics	23C1-LGT1	26	
7	Cao đẳng - 2,5N	Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ	23C1-QTD1	18	
8	Cao đẳng - 2,5N	Thương mại điện tử	23C1-TMĐ1	17	
9	Cao đẳng - LT	Kế toán doanh nghiệp	23C2-KTD1	27	
10	Cao đẳng - LT	Kế toán doanh nghiệp	23C2-KTD2	19	

STT	Hệ đào tạo	Ngành	Tên lớp/Khóa	Hiện tại	Ghi chú
11	Cao đẳng - LT	Logistics	23C2-LGT1	20	
12	Cao đẳng - LT	Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ	23C2-QTD1	35	
13	Cao đẳng - LT	Tài chính doanh nghiệp	23C2-TCD1	20	
14	Cao đẳng - LT	Thương mại điện tử	23C2-TMĐ1	23	
2024				151	
1	Trung cấp - 1N3	Logistics	24T2-LGT1	2	SV khóa mới
2	Trung cấp - 1N3	Thương mại điện tử	24T2-TMĐ1	1	SV khóa mới
3	Trung cấp - 3N (GDNN)	Kế toán doanh nghiệp	24T4-KTD1	27	SV khóa mới
4	Trung cấp - 3N (GDNN)	Logistics	24T4-LGT1	36	SV khóa mới
5	Trung cấp - 3N (GDNN)	Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ	24T4-QTD1	23	SV khóa mới
6	Trung cấp - 3N (GDNN)	Tài chính doanh nghiệp	24T4-TCD1	12	SV khóa mới
7	Trung cấp - 3N (GDNN)	Thương mại điện tử	24T4-TMĐ1	23	SV khóa mới
8	Cao đẳng - 2,5N	Kế toán doanh nghiệp	24C1-KTD1	5	SV khóa mới
9	Cao đẳng - 2,5N	Logistics	24C1-LGT1	6	SV khóa mới
10	Cao đẳng - 2,5N	Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ	24C1-QTD1	7	SV khóa mới
11	Cao đẳng - 2,5N	Tài chính doanh nghiệp	24C1-TCD1	2	SV khóa mới
12	Cao đẳng - 2,5N	Thương mại điện tử	24C1-TMĐ1	6	SV khóa mới
13	Cao đẳng - LT	Thương mại điện tử	24C2-TMĐ1	1	SV khóa mới
Khoa Du lịch - Khách sạn				854	
2020				53	
1	Trung cấp - 3N (GDNN)		20T4	47	Nợ môn
2	Cao đẳng - 2,5N		20C1	6	Nợ môn
2021				121	
1	Trung cấp - 3N (GDNN)	Kỹ thuật làm bánh	21T4-KLB1	45	
2	Trung cấp - 3N (GDNN)	Quản trị du lịch MICE	21T4-QDL1	18	
3	Trung cấp - 3N (GDNN)	Quản trị khách sạn	21T4-QKS1	27	
4	Trung cấp - 3N (GDNN)	Quản trị lễ hành	21T4-QLH1	10	
5	Trung cấp - 3N (GDNN)	Nghiệp vụ nhà hàng	21T4-QNH1	16	
6	Cao đẳng - 2,5N	Quản trị nhà hàng	21C1-QNH1	5	Nợ môn
2022				203	
1	Trung cấp - 3N (GDNN)	Kỹ thuật làm bánh	22T4-KLB1	40	
2	Trung cấp - 3N (GDNN)	Kỹ thuật làm bánh	22T4-KLB2	26	
3	Trung cấp - 3N (GDNN)	Quản trị du lịch MICE	22T4-QDL1	21	
4	Trung cấp - 3N (GDNN)	Quản trị khách sạn	22T4-QKS1	29	
5	Trung cấp - 3N (GDNN)	Nghiệp vụ nhà hàng	22T4-QNH1	26	
6	Cao đẳng - 2,5N	Kỹ thuật làm bánh	22C1-KLB1	6	
7	Cao đẳng - 2,5N	Quản trị khách sạn	22C1-QKS1	23	
8	Cao đẳng - 2,5N	Quản trị lễ hành	22C1-QLH1	11	
9	Cao đẳng - 2,5N	Quản trị nhà hàng	22C1-QNH1	21	
2023				281	
1	Trung cấp - 3N (GDNN)	Quản trị du lịch MICE	23T4-QDL1	25	
2	Trung cấp - 3N (GDNN)	Quản trị khách sạn	23T4-QKS1	30	
3	Trung cấp - 3N (GDNN)	Kỹ thuật làm bánh	23T4-KLB1	34	
4	Trung cấp - 3N (GDNN)	Nghiệp vụ nhà hàng	23T4-QNH1	44	
5	Cao đẳng - 2,5N	Quản trị nhà hàng	23C1-QNH1	18	
6	Trung cấp - 3N (GDNN)	Kỹ thuật làm bánh	23T4-KLB2	30	
7	Cao đẳng - 2,5N	Kỹ thuật làm bánh	23C1-KLB1	9	
8	Cao đẳng - 2,5N	Quản trị khách sạn	23C1-QKS1	24	
9	Cao đẳng - LT	Kỹ thuật làm bánh	23C2-KLB1	13	

STT	Hệ đào tạo	Ngành	Tên lớp/Khóa	Hiện tại	Ghi chú
10	Cao đẳng - LT	Quản trị khách sạn	23C2-QKS1	22	
11	Cao đẳng - LT	Quản trị du lịch MICE	23C2-QDL1	21	
12	Cao đẳng - LT	Quản trị lữ hành	23C2-QLH1	5	
13	Cao đẳng - LT	Quản trị nhà hàng	23C2-QNH1	6	
2024				196	
1	Trung cấp - 1N3	Kỹ thuật làm bánh	24T2-KLB1	1	SV khóa mới
2	Trung cấp - 3N (GDNN)	Kỹ thuật làm bánh	24T4-KLB1	57	SV khóa mới
3	Trung cấp - 3N (GDNN)	Kỹ thuật làm bánh	24T4-KLB2	4	SV khóa mới
4	Trung cấp - 3N (GDNN)	Quản trị du lịch MICE	24T4-QDL1	25	SV khóa mới
5	Trung cấp - 3N (GDNN)	Quản trị khách sạn	24T4-QKS1	41	SV khóa mới
6	Trung cấp - 3N (GDNN)	Quản trị lữ hành	24T4-QLH1	14	SV khóa mới
7	Trung cấp - 3N (GDNN)	Nghiệp vụ nhà hàng	24T4-QNH1	39	SV khóa mới
8	Cao đẳng - 2,5N	Kỹ thuật làm bánh	24C1-KLB1	3	SV khóa mới
9	Cao đẳng - 2,5N	Quản trị khách sạn	24C1-QKS1	10	SV khóa mới
10	Cao đẳng - 2,5N	Quản trị lữ hành	24C1-QLH1	1	SV khóa mới
11	Cao đẳng - 2,5N	Quản trị nhà hàng	24C1-QNH1	1	SV khóa mới
Khoa Ngoại ngữ				756	
2018				3	
1	Cao đẳng - 2,5N	Tiếng Anh	18C1-NNA1	3	Nợ môn
2019				32	
1	Trung cấp - 3N (GDNN)	Tiếng Anh	19T4	32	Nợ môn
2020				44	
1	Trung cấp - 3N (GDNN)	Tiếng Anh	20T4	43	Nợ môn
2	Cao đẳng - 2,5N	Tiếng Anh	20C1-NNA1	1	Nợ môn
2021				91	
1	Trung cấp - 3N (GDNN)	Tiếng Hàn Quốc	21T4-NHQ1	18	
2	Trung cấp - 3N (GDNN)	Tiếng Anh	21T4-NNA1	38	
3	Trung cấp - 3N (GDNN)	Tiếng Anh	21T4-NNA2	26	
4	Trung cấp - 3N (GDNN)	Tiếng Nhật	21T4-NTN1	6	
5	Cao đẳng - 2,5N	Tiếng Anh	21C1-NNA1	3	Nợ môn
2022				162	
1	Trung cấp - 1N3	Tiếng Anh	22T2-NNA1	2	Nợ môn
2	Trung cấp - 3N (GDNN)	Tiếng Hàn Quốc	22T4-NHQ1	17	
3	Trung cấp - 3N (GDNN)	Tiếng Anh	22T4-NNA1	35	
4	Trung cấp - 3N (GDNN)	Tiếng Anh	22T4-NNA2	25	
5	Trung cấp - 3N (GDNN)	Tiếng Nhật	22T4-NTN1	20	
6	Cao đẳng - 2,5N	Tiếng Anh	22C1-NNA1	37	
7	Cao đẳng - 2,5N	Tiếng Nhật	22C1-NTN1	11	
8	Cao đẳng - LT	Tiếng Anh	22C2B-NNA1	15	Nợ môn
2023				323	
1	Trung cấp - 3N (GDTX)	Tiếng Hàn Quốc	23T3-NHQ1BP	42	TT GDTX Bình Phước
2	Trung cấp - 3N (GDTX)	Tiếng Hàn Quốc	23T3-NHQ2BP	57	TT GDTX Bình Phước
3	Trung cấp - 3N (GDTX)	Tiếng Nhật	23T3-NTN1BP	46	TT GDTX Bình Phước
4	Trung cấp - 3N (GDNN)	Tiếng Hàn Quốc	23T4-NHQ1	10	
5	Trung cấp - 3N (GDNN)	Tiếng Anh	23T4-NNA1	36	
6	Trung cấp - 3N (GDNN)	Tiếng Anh	23T4-NNA2	33	
7	Trung cấp - 3N (GDNN)	Tiếng Nhật	23T4-NTN1	8	
8	Cao đẳng - 2,5N	Tiếng Hàn Quốc	23C1-NHQ1	4	
9	Cao đẳng - 2,5N	Tiếng Anh	23C1-NNA1	19	
10	Cao đẳng - 2,5N	Tiếng Nhật	23C1-NTN1	7	
11	Cao đẳng - LT	Tiếng Anh	23C2-NNA1	34	
12	Cao đẳng - LT	Tiếng Anh	23C2-NNA2	27	

STT	Hệ đào tạo	Ngành	Tên lớp/Khóa	Hiện tại	Ghi chú
2024				101	
1	Trung cấp - 3N (GDNN)	Tiếng Hàn Quốc	24T4-NHQ1	9	SV khóa mới
2	Trung cấp - 3N (GDNN)	Tiếng Anh	24T4-NNA1	58	SV khóa mới
3	Trung cấp - 3N (GDNN)	Tiếng Anh	24T4-NNA2	3	SV khóa mới
4	Trung cấp - 3N (GDNN)	Tiếng Nhật	24T4-NTN1	17	SV khóa mới
5	Cao đẳng - 2,5N	Tiếng Hàn Quốc	24C1-NHQ1	2	SV khóa mới
6	Cao đẳng - 2,5N	Tiếng Anh	24C1-NNA1	8	SV khóa mới
7	Cao đẳng - 2,5N	Tiếng Nhật	24C1-NTN1	1	SV khóa mới
8	Cao đẳng - LT	Tiếng Anh	24C2-NNA1	3	SV khóa mới
Tổng cộng:				12.563	

1 Cao đẳng - Chuyên nghiệp	2
2 Cao đẳng - 2.5 năm	4.179
3 Cao đẳng - Chất lượng cao	220
4 Cao đẳng - Chất lượng cao song hành Vinfast	16
5 Cao đẳng - Chất lượng cao TTTN Nhật	61
6 Cao đẳng - Liên kết quốc tế	36
7 Cao đẳng - Chất lượng cao song hành Doanh nghiệp	13
8 Cao đẳng - Liên thông	1.265
9 Trung cấp nghề - (Niên chế)	1
10 Trung cấp - 1 năm 3 tháng	52
11 Trung cấp - 3 năm (GDNN)	6.364
12 Trung cấp - 3 năm (GDTX)	299
13 Trung cấp - 1 năm (Buổi tối)	51
14 Trung cấp - 3 năm (Buổi tối)	4

TỔNG CỘNG = 12.563

TRƯỞNG PHÒNG TTGD-QHDN



Nguyễn Văn Chiến

TP. HCM, ngày 01 tháng 08 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG



TS. Phạm Hữu Lộc